

TIN HỌC 12

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TIN HỌC 12



Microsoft[®]
Access 2016

CHƯƠNG 2:

HỆ QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU MICROSOFT ACCESS

BÀI 3: GIỚI THIỆU MICROSOFT ACCESS

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TIN HỌC 12



Microsoft®
Access 2016

BÀI 3: GIỚI THIỆU MICROSOFT ACCESS

MỤC TIÊU BÀI HỌC

1) Kiến thức

- Hiểu các chức năng chính của ACCESS: Tạo lập bảng, thiết lập mối liên kết giữa các bảng, cập nhật và kết xuất thông tin.
- Biết Access có bốn đối tượng chính: bảng (**Table**), mẫu hỏi (**Query**), biểu mẫu (**Form**), báo cáo (**Report**)
- Biết có hai chế độ làm việc với các đối tượng
- Biết có ba cách tạo các đối tượng

2) Kỹ năng

Thực hiện được khởi động và kết thúc ACCESS, tạo CSDL mới, mở CSDL đã có, tạo đối tượng mới và mở đối tượng.

BÀI 3: GIỚI THIỆU MICROSOFT ACCESS

3
nội dung

1

Hệ quản trị CSDL Microsoft Access

2

Một số thao tác cơ bản

3

Làm việc với các đối tượng

BÀI 3: GIỚI THIỆU MICROSOFT ACCESS

1/ Hệ quản trị CSDL Microsoft Access

a) Giới thiệu Microsoft Access

Phần mềm Microsoft Access (gọi tắt là Access) Là hệ quản trị CSDL nằm trong bộ phần mềm Microsoft Office của hãng Microsoft dùng cho máy tính cá nhân và các máy tính trong mạng cục bộ.

b) Các chức năng của Microsoft Access

Cung cấp các công cụ tạo lập, lưu trữ, cập nhật và khai thác dữ liệu giúp giải các bài toán quản lý.



BÀI 3: GIỚI THIỆU MICROSOFT ACCESS

1/ Hệ quản trị CSDL Microsoft Access

b) Các chức năng của Microsoft Access

- Tạo lập các CSDL và lưu trữ chúng trên các thiết bị nhớ. Một CSDL được tạo lập bằng Access gồm các bảng dữ liệu và mối liên kết giữa các bảng.

HOCSINH													
Maso	HoDem	Ten	GT	NgSinh	DoanVien	DiaChi	To	Toan	Li	Hoa	Van	Tin	Click to Add
1	Nguyễn	An	Nam	12/08/1991	<input checked="" type="checkbox"/>	6 Nghĩa Tân	1	8.5	8.5	8.5	8.0	8.0	
2	Trần Văn	Giang	Nam	21/03/1990	<input type="checkbox"/>	12 Dịch Vọng	2	10.0	9.6	9.6	8.7	8.0	
3	Lê Minh	Thu	Nữ	05/03/1991	<input checked="" type="checkbox"/>	6 Mai Dịch	2	8.3	9.0	8.3	8.2	9.3	
4	Doãn Mai	Chi	Nữ	14/02/1990	<input type="checkbox"/>	78 Liễu Giai	1	7.4	8.7	9.4	9.3	8.0	
5	Hồ Minh	Ba	Nam	30/07/1991	<input checked="" type="checkbox"/>	45 Cầu Giấy	3	8.0	8.0	6.3	9.0	9.0	
6	Nguyễn Xuân	Minh	Nam	12/06/1991	<input checked="" type="checkbox"/>	34 Lê Hồng Phong	4	8.0	7.0	9.5	7.0	9.5	
7	Trần Thanh	Mai	Nữ	12/06/1991	<input checked="" type="checkbox"/>	32 Giảng Võ	1	9.0	8.0	8.9	7.3	5.0	
8	Nguyễn Minh	Nam	Nam	14/02/1990	<input checked="" type="checkbox"/>	231 Hào Nam	3	8.0	6.1	6.4	8.2	9.4	
9	Hoàng Xuân	Thanh	Nữ	27/12/1991	<input checked="" type="checkbox"/>	123 Giảng Võ	1	9.3	8.9	9.0	7.8	6.3	
10	Nguyễn Vũ	Nam	Nam	19/12/1991	<input checked="" type="checkbox"/>	12 Tây Sơn	1	9.3	9.8	9.5	6.5	9.1	
11	Trần Thành	Hưng	Nam	07/03/1991	<input checked="" type="checkbox"/>	7 Bà Triệu	1	6.8	7.0	7.3	6.8	8.0	
12	Đỗ Bích	Hằng	Nữ	15/10/1991	<input checked="" type="checkbox"/>	123 Tây Sơn	2	8.2	8.3	8.2	6.0	7.5	
13	Nguyễn Thúy	Hằng	Nữ	02/11/1991	<input type="checkbox"/>	5 Đội Cấn	3	7.3	7.2	7.3	7.0	8.0	
14	Phạm Kim	Anh	Nữ	05/12/1991	<input type="checkbox"/>	12 Lê Lợi	2	5.0	5.2	5.4	6.3	6.0	
* (New)					<input type="checkbox"/>		0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

BÀI 3: GIỚI THIỆU MICROSOFT ACCESS

1/ Hệ quản trị CSDL Microsoft Access

b) Các chức năng của Microsoft Access

➤ Tạo **biểu mẫu** để cập nhật dữ liệu.

BIỂU MẪU NHẬP THÔNG TIN HỌC SINH

Họ đệm	<input type="text" value="Nguyễn"/>	Điểm Toán	<input type="text" value="8.5"/>
Tên	<input type="text" value="An"/>	Điểm Lý	<input type="text" value="8.5"/>
Giới tính	<input type="text" value="Nam"/>	Điểm Hóa	<input type="text" value="8.5"/>
Là đoàn viên	<input checked="" type="checkbox"/>	Điểm Văn	<input type="text" value="8.0"/>
Ngày sinh	<input type="text" value="12/08/1991"/>	Điểm Tin	<input type="text" value="8.0"/>
Địa chỉ	<input type="text" value="6 Nghĩa Tân"/>		
Tổ	<input type="text" value="1"/>		

Record: 1 of 14 Unfiltered

BÀI 3: GIỚI THIỆU MICROSOFT ACCESS

1/ Hệ quản trị CSDL Microsoft Access

b) Các chức năng của Microsoft Access

- Tạo các báo cáo thống kê, tổng kết.

Thống kê điểm thi theo tổ

TO	HỌTEN	NGAY_SINH	GT	TOAN	VAN	LY	HOA	ANH	TIN
1	Lê Kiến Quốc	07/30/1991	Nam	8.0	7.0	9.0	8.5	8.5	9.0
	Lê Thu Nga	08/08/1992	Nữ	5.5	6.0	5.5	6.5	7.5	5.0
	Nguyễn Huy Hoàng	03/15/1992	Nam	9.0	7.0	8.0	7.5	8.0	9.0
	Trung Bình			7.5	6.7	7.5	7.5	8.0	7.7
2	Phùng Thanh Vân	07/08/1992	Nữ	8.5	7.5	8.0	6.5	8.0	8.0
	Trương Hồng Hà	03/03/1992	Nữ	6.5	5.0	7.0	6.5	7.0	6.0
	Phan Anh Tuấn	10/01/1992	Nam	6.0	4.0	6.0	5.5	3.0	4.0
	Nguyễn Ngọc Anh	05/11/1992	Nữ	6.0	6.0	6.5	5.5	7.0	5.0
	Trung Bình			6.8	5.6	6.9	6.0	6.3	5.8

BÀI 3: GIỚI THIỆU MICROSOFT ACCESS

1/ Hệ quản trị CSDL Microsoft Access

b) Các chức năng của Microsoft Access

- Tạo những mẫu hỏi để khai thác dữ liệu trong CSDL.

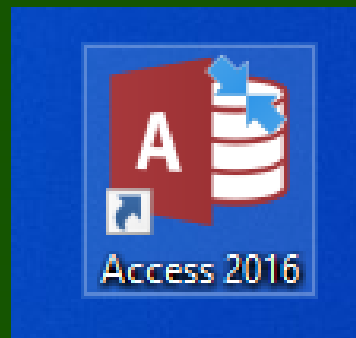
Maso	HoDem	Ten	To	Toan	Li	Hoa	Van	Tin
1	Nguyễn	An	1	8.5	8.5	8.5	8.0	8.0
2	Trần Văn	Giang	2	10.0	9.6	9.6	8.7	8.0
3	Lê Minh	Thu	2	8.3	9.0	8.3	8.2	9.3
4	Doãn Mai	Chi	1	7.4	8.7	9.4	9.3	8.0
6	Nguyễn Xuân	Minh	4	8.0	7.0	9.5	7.0	9.5
10	Nguyễn Vũ	Nam	1	9.3	9.8	9.5	6.5	9.1
11	Trần Thành	Hưng	1	6.8	7.0	7.3	6.8	8.0
13	Nguyễn Thúy	Hằng	3	7.3	7.2	7.3	7.0	8.0
*	(New)		0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0

BÀI 3: GIỚI THIỆU MICROSOFT ACCESS

2/ Một số thao tác cơ bản

a) Khởi động Microsoft Access

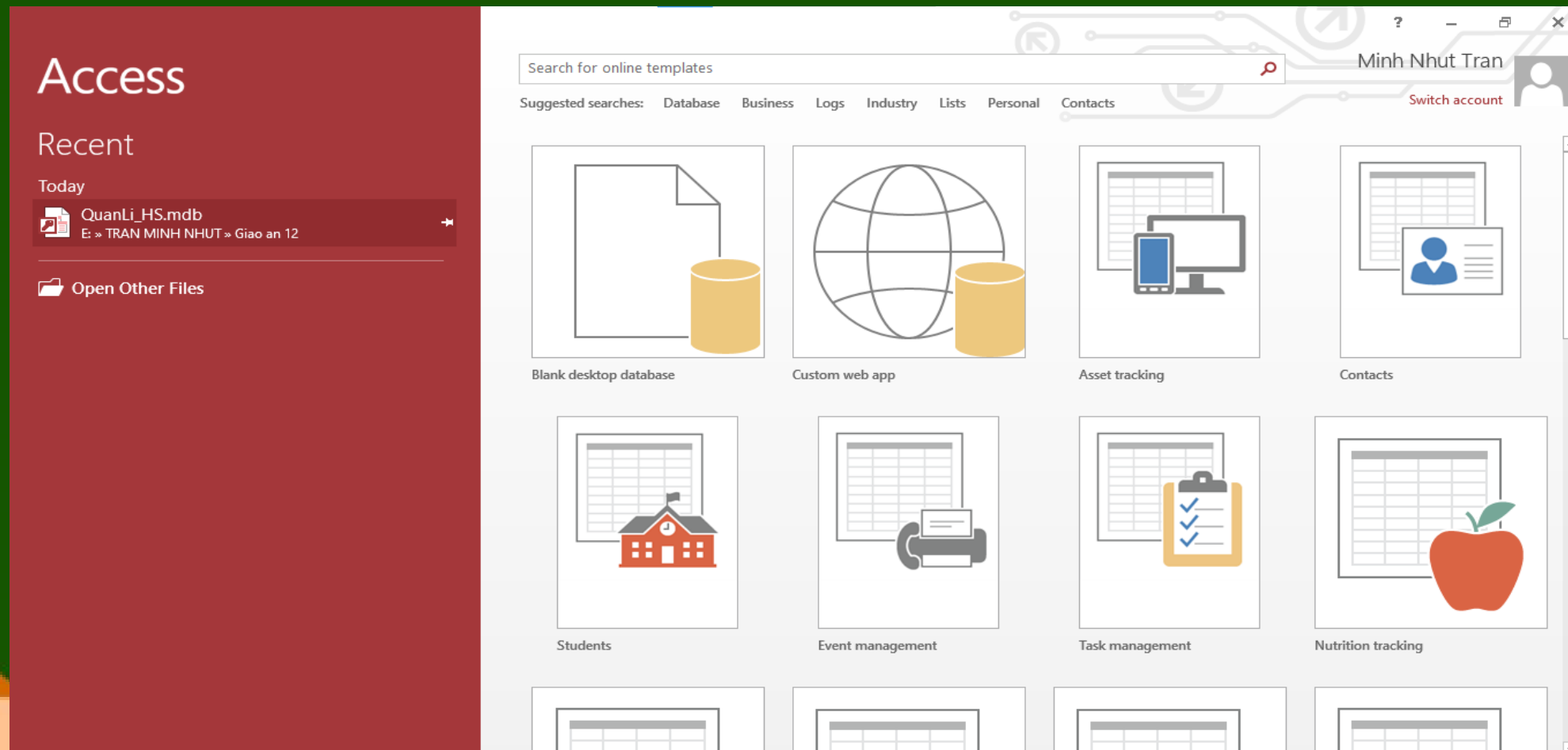
- Cách 1: Từ bảng chọn **Start** → **Access**.
- Cách 2: Nháy đúp vào biểu tượng Access trên màn hình nền.



BÀI 3: GIỚI THIỆU MICROSOFT ACCESS

2/ Hệ quản trị CSDL Microsoft Access

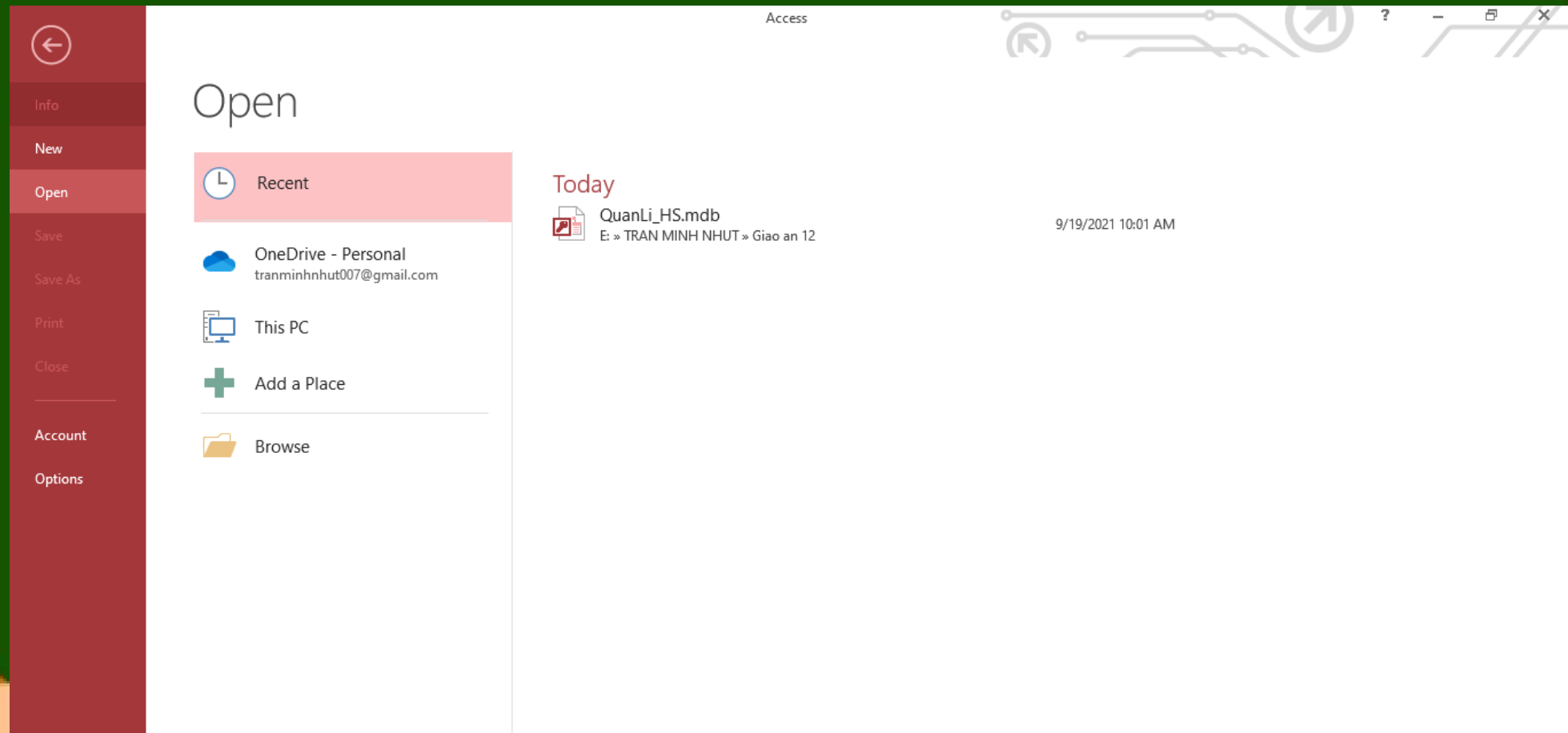
b) Giới thiệu màn hình làm việc



BÀI 3: GIỚI THIỆU MICROSOFT ACCESS

2/ Hệ quản trị CSDL Microsoft Access

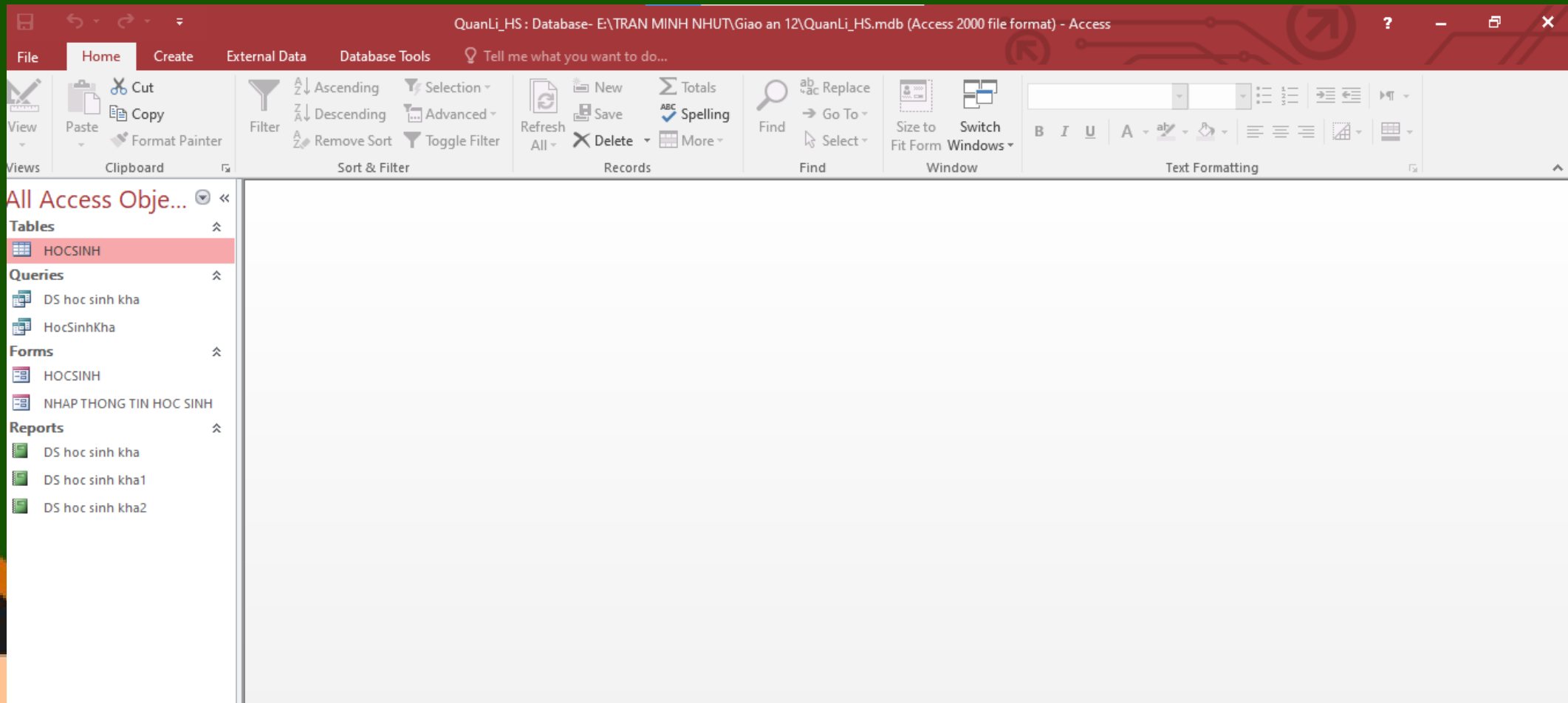
b) Giới thiệu màn hình làm việc



BÀI 3: GIỚI THIỆU MICROSOFT ACCESS

2/ Hệ quản trị CSDL Microsoft Access

b) Giới thiệu màn hình làm việc



BÀI 3: GIỚI THIỆU MICROSOFT ACCESS

2/ Hệ quản trị CSDL Microsoft Access

c) Tạo CSDL mới

B1: File → New

B2: Blank (desktop) database

B3: Chỉ đường dẫn đến vị trí lưu CSDL

B4: Đặt tên CSDL và chọn OK

B5: Chọn Create để xác nhận tạo CSDL mới.

BÀI 3: GIỚI THIỆU MICROSOFT ACCESS

2/ Hệ quản trị CSDL Microsoft Access

d) Các đối tượng chính trên MS Access

- ↪ **Bảng (table)** dùng để lưu dữ liệu. Mỗi bảng chứa thông tin về một chủ thể xác định và bao gồm nhiều hàng, mỗi hàng chứa các thông tin về một cá thể của chủ thể đó.
- ↪ **Mẫu hỏi (Query)** dùng để sắp xếp, tìm kiếm và kết xuất dữ liệu xác định từ một hoặc nhiều bảng.
- ↪ **Biểu mẫu (Form)** giúp tạo giao diện thuận tiện cho việc nhập hoặc hiển thị thông tin.
- ↪ **Báo cáo (Report)** được thiết kế để định dạng, tính toán, tổng hợp các dữ liệu được chọn và in ra.

BÀI 3: GIỚI THIỆU MICROSOFT ACCESS

2/ Hệ quản trị CSDL Microsoft Access

e) Mở CSDL đã có

- Chọn File → Open
- Chọn Browse để chỉ đến vị trí lưu CSDL cần mở
- Nháy chuột vào tên CSDL cần mở và chọn Open.

BÀI 3: GIỚI THIỆU MICROSOFT ACCESS

2/ Hệ quản trị CSDL Microsoft Access

f) Kết thúc phiên làm việc

↪ Kết thúc phiên làm việc với CSDL

Chọn File → Close Database

↪ Kết thúc phiên làm việc với Access

Click chọn biểu tượng **X** bên trên góc phải màn hình



BÀI 3: GIỚI THIỆU MICROSOFT ACCESS

3/ Làm việc với các đối tượng

a) Chế độ làm việc với các đối tượng

↳ Chế độ thiết kế (Design View)

- Dùng để tạo mới hoặc thay đổi cấu trúc bảng, mẫu hỏi
- Dùng để thay đổi cách trình bày và định dạng biểu mẫu, báo cáo

→ Để chọn chế độ thiết kế ta chọn View → Design View

↳ Chế độ trang dữ liệu (Datasheet View)

Dùng để hiển thị dữ liệu dạng bảng, cho phép xem, xóa hoặc thay đổi các dữ liệu đã có

→ Để chọn chế độ trang dữ liệu ta chọn View → DataSheet View

BÀI 3: GIỚI THIỆU MICROSOFT ACCESS

3/ Làm việc với các đối tượng

b) Tạo đối tượng mới

- Dùng các mẫu dựng sẵn (**Wizard – thuật sĩ**: là chương trình hướng dẫn từng bước giúp tạo được các đối tượng của CSDL từ các mẫu dựng sẵn một cách nhanh chóng);
 - Người dùng tự thiết kế;
 - Kết hợp cả hai cách trên.
- Người ta thường dùng cách thứ ba: trước tiên dùng các mẫu dựng sẵn, sau đó chỉnh sửa lại bằng cách tự thiết kế.

BÀI 3: GIỚI THIỆU MICROSOFT ACCESS

3/ Làm việc với các đối tượng

c) Mở đối tượng đã có

Trong cửa sổ của loại đối tượng tương ứng, nháy đúp vào tên một đối tượng để mở nó.



CÙNG CỐ

BÀI 3: GIỚI THIỆU MICROSOFT ACCESS

Hệ quản trị CSDL
Microsoft Access

Một số thao tác cơ bản

Làm việc với các đối tượng

- a) Giới thiệu Microsoft Access
- b) Các chức năng của Microsoft Access

- a) Khởi động MS Access
- b) Giới thiệu màn hình làm việc
- c) Tạo CSDL mới
- d) Các đối tượng chính trên MS Access
- e) Mở CSDL đã có
- f) Kết thúc phiên làm việc

- a) Chế độ làm việc với các đối tượng
- b) Tạo đối tượng mới
- c) Mở đối tượng đã có